

Bản án số: 16/2025/DS-ST
Ngày 31-3-2025
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Phước;

Bà Trương Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐ-ST ngày 10 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 09/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hồng N, sinh năm 1985; địa chỉ: số C, Công Trường H, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Ngô Thị Thùy D, sinh năm 2000 và bà Trần Thị Thủy T, sinh năm 1996; cùng địa chỉ: phòng C, số I, đường P, phường Đ, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 09/01/2023); bà D vắng mặt, bà T có mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Phượng L, sinh năm 1959; địa chỉ: số C, Công trường H, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1953; địa chỉ: số C, Công Trường H, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin vắng mặt.

2. Ông Lê Văn P, sinh năm 1957; địa chỉ: số D B, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

3. Ông Lê Văn H, sinh năm 1958; địa chỉ: số D S, S, C, USA, 95111; có mặt.

4. Ông Lê Văn H1, sinh năm 1960; địa chỉ: số A ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; có mặt.

5. Ông Lê Văn T1, sinh năm 1967; địa chỉ: số B khu phố T, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Văn T1: Bà Trần Thị Mộng T2, sinh năm 1966; địa chỉ: số E N, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 09/07/2024); vắng mặt.

6. Ông Lê Minh S, sinh năm 1972; địa chỉ: số C Công trường H, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin vắng mặt.

7. Bà Bùi Thị M, sinh năm 1962; địa chỉ: khu C, ấp H, xã N, thị trấn Đ, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

8. Bà Lê Thị Minh H2; địa chỉ: số E đường B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin vắng mặt.

9. Ông Lê Nhật T3; địa chỉ: số E đường B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

10. Bà Trần Thị Trúc Đ1; địa chỉ: số B, khu phố T, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Trúc Đ1: Bà Trần Thị Mộng T2, sinh năm 1966; địa chỉ: số E N, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 09/07/2024); vắng mặt.

11. Ông Lê Công M1; sinh năm 1993; địa chỉ: số B, lô H khu phố P, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

12. Bà Trần Thị Trúc N1, sinh năm 1966 và ông Lương P1; cùng địa chỉ: số A B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

13. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn Toàn N2 - chức vụ: Phó Giám Đốc; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 16/02/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N và người đại diện hợp pháp bà Trần Thị Thủy T trình bày:

Ông nội bà N là cụ Lê Văn T4 sinh năm 1933 (mất ngày 06/11/2002) và bà nội bà N là cụ Huỳnh Thị L1, sinh năm 1936 (mất ngày 30/5/2008). Lúc còn sống, cụ T4 và cụ L1 có tạo lập tài sản chung là nhà và đất có diện tích 187,2m²

thuộc thửa đất số 212, tờ bản đồ số 92, tọa lạc tại khu phố T, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Cha của cụ Lê Văn T4, không rõ tên, mất trước cụ T4 (không rõ năm mất). Mẹ của cụ Lê Văn T4, không rõ tên, mất trước cụ T4 (không rõ năm mất). Cha của cụ Huỳnh Thị L1, không rõ họ tên, mất trước bà L1 (không rõ năm mất). Mẹ của cụ Huỳnh Thị L1, không rõ họ tên, mất trước bà L1 (không rõ năm mất). Cụ T4 và cụ L1 có 09 người con chung gồm: Ông Lê Văn T5, chết trước năm 1975, không có giấy chứng tử, không rõ vợ, con; bà Lê Thị Đ, ông Lê Văn P, ông Lê Văn H, bà Lê Thị Phụng L, ông Lê Văn H1, ông Lê Văn H3 (đã chết, có 03 người con: Ông Lê Thanh P2, sinh năm 1980, chết năm 1995, không có vợ, con, không có giấy chứng tử; ông Lê Thanh S1, sinh năm 1982, chết năm 2013, không có vợ con), không có giấy chứng tử; bà Lê Thị Hồng N; ông H3 đang độc thân tại thời điểm mất; người thừa kế thế vị duy nhất của ông H3 là bà Lê Thị Hồng N), ông Lê Văn T1, ông Lê Minh S.

Căn cứ theo quy định pháp luật, cụ T4 và cụ L1 chết không để lại di chúc nên phần di sản của cụ T4 và cụ L1 được chia thành những phần bằng nhau cho những người thừa kế thứ nhất và còn sống tại thời điểm mở thừa kế và 01 phần cho những người thừa kế vị (09 người con: Bà Lê Thị Đ, ông Lê Văn P, ông Lê Văn H, bà Lê Thị Phụng L, ông Lê Văn H1, ông Lê Văn H3, (đã chết, có người thừa kế thế vị là bà Lê Thị Hồng N), ông Lê Văn T1, ông Lê Minh S và con của ông Lê Văn T5 (không rõ thông tin). Theo đó, ông Lê Văn H3 được hưởng 1/9 giá trị di sản là nhà đất có diện tích 187,2m² tại thửa đất số 212, tờ bản đồ số 92, tọa lạc tại khu phố T, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Sau khi cụ T4 và cụ L1 chết, toàn bộ di sản là căn nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 212, tờ bản đồ số 92, tọa lạc tại khu phố T, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương được các đồng thừa kế thống nhất tạm thời giao cho bà Lê Thị Phụng L quản lý, theo giấy đồng ý ký cụ T4 và cụ L1 đối với di sản trên. Tuy nhiên, bà Lê Thị Phụng L sau đó không phối hợp chia di sản nêu trên và không tiến hành thủ tục phân chia di sản thừa kế tại tổ chức hành nghề công chứng có thẩm quyền. Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ T4 và cụ L1 là nhà đất có diện tích 187,2m² tại thửa đất số 212, tờ bản đồ số 92, tọa lạc tại khu phố T, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương chia theo pháp luật, cụ thể:

+ Chia di sản của cụ T4 và cụ L1 thành 09 phần bằng nhau cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà Lê Thị Đ, ông Lê Văn H, ông Lê Văn P, bà Lê Thị Phụng L, ông Lê Văn H1, con của ông Lê Văn H3, ông Lê Văn T1, ông Lê Minh S và con của ông Lê Văn T5, mỗi người hưởng 1/9 phần giá trị tài sản.

+ Trong phần di sản mà ông H3 được hưởng do hiện nay ông H3 đã mất, không để lại di chúc, nên chia tiếp cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất còn sống tại thời điểm mở thừa kế của ông H3 là 02 người (gồm: ông Lê Thanh S1 và bà Lê Thị Hồng N) mỗi người 1/2 phần giá trị di sản của ông H3. Ông S1 hiện đã mất nên phần di sản của ông H3 được chia thành 02 phần: Cho người thừa kế của ông S1 (là bà M) và bà N. Bà N yêu cầu được hưởng giá trị bằng

tiền phân quyền sử dụng, sở hữu và định đoạt 1/18 giá trị nhà đất tại thửa đất số 212, tờ bản đồ số 92, tọa lạc tại khu phố T, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương, tương đương giá trị tạm tính là 275.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

** Tại Văn bản ngày 14/9/2023, bà Ngô Thị Thùy D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N trình bày:*

Nguồn gốc nhà, đất tranh chấp: Quyền sử dụng đất có diện tích 187,2m² tại thửa đất số 212, tờ bản đồ số 92, tọa lạc tại khu phố T, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương được ông Nguyễn Văn S2 và bà Nguyễn Thị T6 chuyển nhượng cho ông Lương P1 và bà Trần Thị Trúc N1 theo Đơn xin sang nhượng thành quả lao động trên đất nông nghiệp ngày 16/11/1992, được Ủy ban nhân dân xã V xác nhận chấp thuận đơn vào ngày 25/11/1992. Cụ T4 và cụ L1 cùng quản lý, sử dụng thửa đất có diện tích 187,2m² tại thửa đất số 212, tờ bản đồ số 92, tọa lạc tại khu phố T, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương từ khi nhận chuyển nhượng từ ông Lương P1 và bà Trần Thị Trúc N1. Trong quá trình quản lý, sử dụng, vào khoảng năm 1995, cụ Lê Văn T4 và cụ Huỳnh Thị L1 có xây dựng nhà ở trên đất. Đến năm 2000, ông Lê Văn H3 cha của bà N (nguyên đơn) có sửa chữa lại nhà ở. Trước khi chết, cụ T4 và cụ L1 đồng ý để lại tài sản là một phần diện tích nhà và đất nêu trên cho ông Lê Văn H3, cụ thể là số nhà C. Diện tích đất này có 03 căn nhà xây dựng bên cạnh căn nhà 30/8 là phần đất hiện do vợ chồng ông Lê Văn T1 (con của cụ T4 và cụ L1) cư trú nội dung này được các con ruột của cụ T4 và cụ L1 là ông Lê Văn P, ông Lê Văn H, ông Lê Văn H1, ông Lê Văn T1 chứng kiến (theo Biên bản đồng thuận và xác nhận nguồn gốc nền nhà). Tuy nhiên, sau khi cụ T4 và cụ L1 mất, tài sản nêu trên chưa được thực hiện thủ tục khai nhận, phân chia di sản thừa kế. Ông Lê Văn H3 cùng con là bà N và ông Lê Thanh S1 vẫn ở tại nhà đất nêu trên từ năm 1995. Đến năm 2020, ông Lê Văn H3 chết, bà N tiếp tục sinh sống tại nhà đất nêu trên đến nay. Cùng sinh sống tại nhà đất nêu trên với bà N là ông Lê Thanh S1 nhưng ông Lê Thanh S1 cũng đã chết vào năm 2013, Sau khi ông Lê Thanh S1 chết, bà N tiếp tục sinh sống tại nhà, đất nêu trên, không có ai sinh sống cùng bà N.

Hiện tại, nhà đất tranh chấp hiện đang thuộc phạm vi thực hiện dự án giải phóng mặt bằng Quốc lộ A đoạn từ Cổng chào V đến ngã tư Cầu Ô (đoạn quan thành phố T). Ngày 19/10/2022, bà N được mời làm việc theo Thư mời số 1067/GM-TTPTQĐ của Trung tâm P3 về việc phối hợp thực hiện kiểm đếm tài sản bị ảnh hưởng trong phạm vi giải tỏa (đoạn quan thành phố T). Mặc dù bà N là người trực tiếp sinh sống nhà đất nêu trên, nhưng không giữ các hồ sơ liên quan đến nhà đất đó mà người giữ giấy tờ trước đây là ông Nguyễn Văn S2. Sau đó, vào lần giải tỏa nhà đất năm 1999, ông S2 đã nộp lại giấy tờ nhà đất bản chính cho cán bộ địa chính (không nhớ thông tin liên hệ). Do đó, hiện tại bà N và những người có liên quan hiện không có các giấy tờ nhà đất nêu trên. Bà N đã liên hệ Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Dương và các cơ quan quản lý đất đai tại thành phố T, tỉnh Bình Dương để yêu cầu cung cấp hồ sơ nhà đất có

liên quan, tuy nhiên vì không có đầy đủ thông tin chủ sở hữu nên bà N không yêu cầu cung cấp được. Nhận thấy giấy tờ pháp lý của nhà đất tranh chấp nêu trên là căn cứ quan trọng để giải quyết vụ án nên bà N đề nghị Q Tòa án tiến hành thu thập hồ sơ pháp lý của nhà đất tranh chấp tại các cơ quan liên quan.

** Tại Văn bản ngày 22/01/2024, bị đơn bà Lê Thị Phượng L trình bày:*

Nguyên lúc trước, cha bà L là cụ Lê Văn T4 có cho bà L 01 miếng đất dài 12m; rộng 4m, tổng cộng 48m² để cất trên thửa đất số địa bộ cũ là 106, số địa bộ mới là 481, số bản đồ là 844, tọa lạc tại xã V, huyện T, tỉnh Sông Bé. Nay bà L gửi lời trình này gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương là bà không đồng ý đơn khởi của cháu là bà Lê Thị Hồng N vì không có cơ sở để khởi kiện. Nếu Lê Thị Hồng N có giấy tờ hợp pháp xác thực của cha bà L cho cháu thì cứ theo đó mà xử lý.

** Tại Bản tự khai ngày 30/7/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T1 và bà Trần Thị Trúc Đ1 do bà Trần Thị Mộng T2 đại diện và tại Bản tự khai ngày 13/01/2025, ông Lê Văn T1 và bà Trần Thị Trúc Đ1 cùng thống nhất trình bày:*

Vào ngày 06/7/1993, vợ chồng ông T1 và bà Đ1 với vợ chồng (ông Lương P1 và bà Trần Thị Trúc N1) có lập một tờ giấy chấp thuận ủy quyền nền đất để cất nhà với nội dung: “Vợ chồng tôi đồng ý cho anh rể và chị ruột của tôi (ông Lê Văn T1 và bà Trần Thị Trúc Đ1) được quyền cất nhà trên nền đất dài 12m; rộng 4m, diện tích cất nhà là 48m², đất có số địa bộ cũ 106, số địa bộ mới 481, số bản đồ 844 tọa lạc tại xã V, huyện T, tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương) có tổng diện tích 300m² (do bà Trần Thị Trúc N1 đứng tên). Kể từ ngày 07/7/1993, anh chị tôi (ông Lê Văn T1, bà Trần Thị Trúc Đ1) có trách nhiệm đóng mọi sắc thuế theo quy định về việc xây cất nhà của Nhà nước trên phần đất nói trên; Vợ chồng tôi không chịu trách nhiệm cũng như không tranh chấp gì cả”. Giấy chấp thuận này đã được chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường A (quận B) ngày 07/7/1993; Ủy ban nhân dân xã B (huyện T) ngày 07/7/1993 và Ủy ban nhân dân xã V (huyện T) ngày 26/7/1993.

Về nguồn gốc thửa đất nêu trên thì thể hiện: Vào ngày 16/11/1992, bà Trần Thị Trúc N1 nhận chuyển nhượng thành quả lao động trên đất nông nghiệp của bà Nguyễn Thị T6 sinh năm 1961 và ông Nguyễn Văn S2, sinh năm 1958 toàn bộ diện tích của thửa đất (theo sổ bộ cũ số 106/484, sổ bộ mới 481, bản đồ số 484), tọa lạc tại ấp T, xã V có diện tích ngang 12m, dài 25m, tổng diện tích 300m², với số tiền là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng); việc chuyển nhượng giữa hai bên được sự chứng thực của Ủy ban nhân dân xã V ngày 25/11/1992. Nguồn gốc diện tích đất này bà Nguyễn Thị T6 được mẹ (bà Ngô Thị S3) cho tại tờ phân chia đất ngày 15/6/1992 có sự chứng kiến của các anh chị em và chứng thực của Ban Tư pháp và Ủy ban nhân dân xã V ngày 18/8/1992.

Sau khi nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị T6 thì vào ngày 08/7/1993, vợ chồng bà Trần Thị Trúc N1 đã làm đơn xin xây cất nhà trên diện tích đất này và đơn đã được sự đồng ý chấp thuận của Ban ấp T7 và Ủy ban

nhân dân xã V ngày 08/7/1993. Sau đó, ngày 06/7/1993 vợ chồng ông Lương P1 và bà Trần Thị Trúc N1 đã chấp thuận ký ủy quyền nền đất để cất nhà cho vợ chồng ông Lê Văn T1 và bà Trần Thị Trúc Đ1, xác định: Toàn bộ diện tích của thửa đất (theo sổ bộ củ số 106/484, sổ bộ mới 481, bản đồ số 484) tọa lạc tại ấp T, xã V, có chiều ngang 12m, dài 25m, tổng diện tích 300m² là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông T1 và bà Đ1.

Nay nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N (là con ông Lê Văn H3, đã chết) là cháu nội của cụ Lê Văn T4 và cụ Huỳnh Thị L1 làm đơn khởi kiện và cho rằng diện tích của thửa đất nêu trên là di sản thừa kế của cụ Lê Văn T4 và cụ Huỳnh Thị L1 để lại và yêu cầu được hưởng thừa kế thế vị phần di sản này theo quy định của pháp luật là không đúng. Ông T1 và bà Đ1 không đồng ý với yêu cầu nêu trên của nguyên đơn là bà Lê Thị Hồng N.

** Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 14/3/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Minh H2 trình bày:*

Ông nội bà H2 tên là cụ Lê Văn T4 chết ngày 06/11/2002, bà nội bà H2 là cụ Huỳnh Thị L1 chết ngày 30/5/2008. Cha ruột bà H2 tên là ông Lê Văn T5 chết trước năm 1975. Cụ T4 và cụ L1 có 09 người con chung, gồm: Bà Lê Thị Đ, ông Lê Văn P, ông Lê Văn H, bà Lê Thị Phụng L, ông Lê Văn H1, ông Lê Văn H3, ông Lê Văn T1, ông Lê Minh S, ông Lê Văn T5. Nguồn gốc căn nhà tại thửa đất số 212, tờ bản đồ số 92, tọa lạc tại khu phố T, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương do ông bà nội của bà H2 là cụ T4 và cụ L1 mua đất xây nhà. Bà H2 xác nhận nhà, đất tại thửa số 212, tờ bản đồ số 92, tọa lạc tại khu phố T, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu của cụ T4 và cụ L1. Trường hợp Tòa án chia thừa kế đối với nhà đất tại thửa đất số số 212, tờ bản đồ số 92, tọa lạc tại khu phố T, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì bà H2 đồng ý với kết quả xét xử của Tòa án.

** Tại bản tự khai ngày 13/01/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Trúc N1 và ông Lương P1 cùng thống nhất trình bày:*

Vào ngày 16/11/1992, bà Trần Thị Trúc N1 có nhận chuyển nhượng thành quả lao động trên đất nông nghiệp của bà Nguyễn Thị T6 sinh năm 1961 và ông Nguyễn Văn S2, sinh năm 1958 toàn bộ diện tích của thửa đất (theo sổ bộ củ số 106/484, sổ bộ mới 481, tờ bản đồ số 484) tọa lạc tại ấp T, xã V có chiều ngang 12m; chiều dài 25m, tổng diện tích 300m², với số tiền là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Việc chuyển nhượng giữa hai bên được sự chứng thực của Ủy ban nhân dân xã V ngày 25/11/1992. Nguồn gốc diện tích đất này bà Nguyễn Thị T6 được mẹ là bà Ngô Thị S3 cho tại Tờ phân chia đất ngày 15/6/1992 có sự chứng kiến của các anh chị em và chứng thực của Ban Tư pháp và Ủy ban nhân dân xã V ngày 18/8/1992.

Sau khi nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị T6, vào ngày 08/7/1993 bà Trần Thị Trúc N1 đã làm đơn xin xây cất nhà trên diện tích đất này và đơn đã được sự chấp thuận của Ban ấp T7 và Ủy ban nhân dân xã V ngày 08/7/1993. Vào ngày 06/7/1993, vợ chồng ông Lương P1 và bà Trần Thị Trúc N1 có lập

một tờ giấy chấp thuận ủy quyền nền đất để cất nhà với nội dung: “*Vợ chồng tôi đồng ý cho anh rể và chị ruột của tôi (ông Lê Văn T1 và bà Trần Thị Trúc Đ1) được quyền cất nhà trên nền đất dài 12m, rộng 4m, diện tích cất nhà là 48m², trên số đất có địa bộ cũ 106, số địa bộ mới 481, số bản đồ 844 tọa lạc tại xã V, huyện T, tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương) có tổng diện tích 300m² (do bà Trần Thị Trúc N1 đứng tên). Kể từ ngày 07/7/1993, anh chị tôi (ông Lê Văn T1, bà Trần Thị Trúc Đ1) có trách nhiệm đóng mọi sắc thuế theo quy định về việc xây cất nhà của Nhà nước trên phần đất nói trên; Vợ chồng tôi không chịu trách nhiệm cũng như không tranh chấp gì cả*”. Giấy chấp thuận này đã được chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường A (quận B) ngày 07/7/1993; Ủy ban nhân dân xã B (huyện T) ngày 07/7/1993 và Ủy ban nhân dân xã V (huyện T) ngày 26/7/1993). Ngoài việc, vợ chồng ông P1 và bà N1 có lập tờ giấy chấp thuận ủy quyền nền đất để cất nhà cho ông Lê Văn T1 và bà Trần Thị Trúc Đ1 ngày 06/7/1993 (như đã trình bày ở trên ra) thì ông P1 và bà N1 không có ký giấy tờ ủy quyền hay mua bán thửa đất này cho bất cứ ai khác cả.

** Tại đơn trình bày ngày 05/3/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Đ và ông Lê Minh S cùng thống nhất trình bày:*

Ông S và bà Đ có nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhân dân Tỉnh Bình Dương về việc triệu tập các ông bà có mặt tại Tòa án vào ngày 21/3/2025 với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản giữa bà Lê Thị Hồng N là nguyên đơn và bà Lê Thị Phượng L là bị đơn. Tuy nhiên, ông S và bà Đ bị bệnh tai biến, không đi lại được nên không thể có mặt tham dự theo giấy triệu tập của Tòa án được và đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật giải quyết tranh chấp mà không có sự tham dự của ông S và bà Đ. Ông bà xin vắng mặt tất cả các phiên tòa.

** Tại bản tự khai ngày 27/3/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H và ông Lê Văn P cùng thống nhất trình bày:*

Ông P và ông H thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế. Về nguồn gốc nhà và đất tại thửa 212, tờ bản đồ số 92 tại khu phố T, phường V, thành phố T, Tỉnh Bình Dương (thửa đất có số địa bộ cũ là 106, số địa bộ mới là 481, số bản đồ 484) do cha là cụ T4 và mẹ là cụ L1 mua lại từ bà Nguyễn Thị T6 và ông Nguyễn Văn S2 từ năm 1992. Tại thời điểm đó, cụ T4 và cụ L1 không có hộ khẩu tại tỉnh Bình Dương (tỉnh Sông Bé cũ) nên nhờ bà Trần Thị Trúc N1 đứng tên giùm trên giấy chuyển nhượng. Sau khi nhận chuyển nhượng từ bà T6 và ông S2, cụ T4 và cụ L1 đã xây ba căn nhà trên thửa đất và cho 03 người con là ông H3, ông S và ông T1. Ông H3 được cho căn nhà 30/8 là một phần trong tổng 03 căn nhà trên, ông H3 đã ở tại đây cho đến lúc chết. Sau đó, con ông H3 là bà Lê Thị Hồng N tiếp tục sinh sống tại đây. Căn nhà có địa chỉ 2 khu phố T, phường V, thành phố T, Tỉnh Bình Dương được ông T1 sử dụng và quản lý từ khi xây xong đến nay. Ông H và ông P đề nghị Tòa án chia thừa kế căn nhà 3 khu phố T, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nhà 30/8) cho ông H3 theo ý chí của cụ T4 và cụ L1. Trường hợp Tòa án không đồng ý chia nhà 30/8 cho ông H3, ông H và ông P đề nghị chia thừa kế toàn bộ nhà đất của

cụ T4 và cụ L1 với diện tích 187m², tại thửa 212, tờ bản đồ số 92 trên cho 09 người con. Khi cha mẹ chia nhà đất cho các em chỉ nói miệng không có văn bản.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N do bà Trần Thị Thủy T đại diện đề nghị Hội đồng xét xử công nhận nhà số C do bà N đang quản lý và nhà số B do vợ chồng ông T1, bà Đ1 đang quản lý là di sản của cụ T4 và cụ L1 chết để lại; chia di sản thừa kế của cụ T4 và cụ L1 thành 09 phần bằng nhau cho 09 chi thừa kế theo pháp luật, chia giá trị bằng tiền. Bị đơn bà L yêu cầu chia di sản của cụ T4 và cụ L1 đối với nhà số C do bà N đang quản lý và nhà số B do vợ chồng ông T1, bà Đ1 đang quản lý thành 09 phần bằng nhau cho 09 chi thừa kế theo pháp luật, chia giá trị bằng tiền. Ông H1, ông P và ông H thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tự nguyện tặng cho kỷ phần được hưởng cho bà N (con ông H3) và ông T1.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, những người tiến hành Tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ một phần, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Đất tranh chấp tọa lạc tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương và người tham gia tố tụng có người nước ngoài là ông Lê Văn H hiện đang định cư tại Hoa Kỳ. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Đ, ông Lê Minh S, bà Lê Thị Minh H2, đại diện hợp pháp của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T tất cả đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bà Bùi Thị M, bà Trần Thị Mộng T2, bà Trần Thị Trúc N1, ông Lê Công M1, ông Lương P1, ông Lê Nhật T3 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hàng thừa kế: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều trình bày thống nhất: Cụ Lê Văn T4 chết năm 2002 và cụ Huỳnh Thị L1 chết năm 2008, sinh được 09 người con gồm: Ông Lê Văn T5 (đã chết, có người thừa kế thế vị là bà Lê Thị Minh H2 và ông Lê Nhật T3); bà Lê Thị Đ, ông Lê Văn P, ông Lê Văn H, bà Lê Thị Phượng L, ông Lê Văn H1, ông Lê Văn H3 (đã chết, có người thừa kế thế vị là bà Lê Thị Hồng N), ông Lê Văn T1, ông Lê Minh S. Căn cứ theo quy định tại Điều 651 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ C và cụ L2 gồm: Ông Lê Văn T5 (đã chết, có người thừa kế thế vị là bà Lê Thị Minh H2

và ông Lê Nhật T3); bà Lê Thị Đ, ông Lê Văn P, ông Lê Văn H, bà Lê Thị Phượng L, ông Lê Văn H1, ông Lê Văn H3 (đã chết, có người thừa kế thế vị là bà Lê Thị Hồng N), ông Lê Văn T1, ông Lê Minh S.

[3] Về di sản thừa kế: Nhà và đất tranh chấp có diện tích 187,2m² đo đạc thực tế có diện tích 199,8m² tại thửa đất số 212, tờ bản đồ số 92, tọa lạc tại khu phố T, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Xét thấy, nhà và đất tranh chấp có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn S2 và bà Nguyễn Thị T6 chuyển nhượng cho ông Lương P1 và bà Trần Thị Trúc N1 theo Đơn xin sang nhượng thành quả lao động trên đất nông nghiệp ngày 16/11/1992, được Ủy ban nhân dân xã V xác nhận chấp thuận đơn vào ngày 25/11/1992. Ngày 13/02/1993, ông P1 và bà N1 lập Giấy nhượng nền nhà cho cụ T4 (bút lục 09). Cụ T4 và cụ L1 cùng quản lý, sử dụng thửa đất có diện tích 187,2m² tại thửa đất số 212, tờ bản đồ số 92, tọa lạc tại khu phố T, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương từ khi nhận chuyển nhượng của ông Lương P1 và bà Trần Thị Trúc N1. Khoảng năm 1995, cụ T4 và cụ L1 có xây dựng nhà ở trên đất. Đến năm 2000, ông Lê Văn H3 cha của bà N (nguyên đơn) có sửa chữa lại nhà ở. Trước khi chết, cụ T4 và cụ L1 đồng ý để lại tài sản là một phần diện tích nhà và đất nêu trên cho ông Lê Văn H3, cụ thể là số nhà C hiện nay do bà N đang quản lý; còn căn nhà liền kề là nhà số B thì cho vợ chồng ông Lê Văn T1 và bà Trần Thị Trúc Đ1, hiện nay ông T1 và bà Đ1 đang quản lý, sử dụng. Nội dung này được các con ruột của cụ T4 và cụ L1 gồm: ông Lê Văn P, ông Lê Văn H, ông Lê Văn H1, ông Lê Văn T1 ký xác nhận tại Biên bản đồng thuận ngày 05/3/2015 (bút lục 10-11) và tại Giấy đồng ý ngày 16/01/2012 (bút lục 12) có bà Lê Thị Phượng L, bà Lê Thị Đ, ông Lê Văn T1, ông Lê Văn S4 và bà Lê Thị Hồng N ký tên, được Ủy ban nhân dân phường A, quận B xác nhận ngày 16/01/2012. Do đó, có căn cứ xác định nhà và đất số 2/8 và nhà đất số C có tổng diện tích 187m² là di sản do cụ T4 và cụ L1 chết để lại. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho 09 đồng thừa kế là có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa, ông H1, ông P và ông H tự nguyện tặng cho kỷ phần được hưởng cho bà N (con ông H3) và ông T1. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận căn nhà số B là do ông T1, bà Đ1 xây dựng mới trên nền nhà cũ của cụ T4 và cụ L1 để lại nên chỉ có căn cứ chia giá trị đất, không có căn cứ chia giá trị nhà. Hiện tại, nhà đất số B và nhà đất số C đang thuộc phạm vi thực hiện dự án Giải phóng mặt bằng Quốc lộ A đoạn từ Cổng chào V đến ngã tư Cầu Ô (đoạn qua thành phố T). Tại Công văn số 310/TTPTQĐ-BT&GPMB ngày 26/3/2024, Trung tâm P3 cung cấp thông tin như sau:

- Nhà và đất số 2/8 do ông T8, bà Đ1 đang quản lý được bồi thường: đất diện tích 103,9m² với tổng số tiền bồi thường là 2.599.993.600 đồng; nhà có tổng số tiền bồi thường là 423.308.728 đồng; công trình phụ, vật kiến trúc có tổng số tiền bồi thường là 15.930.400 đồng.

- Nhà và đất số 30/8 do bà N đang quản lý được bồi thường: đất diện tích 55,1m² có tổng số tiền bồi thường là 1.378.822.400; nhà có tổng số tiền bồi

thường là 178.948.000 đồng; công trình phụ, vật kiến trúc có tổng số tiền bồi thường là 5.886.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị di sản của cụ T4 và cụ L1 để lại (sau khi trừ giá trị nhà và công trình phụ do ông T1, bà Đ1 xây dựng) là: 2.599.993.600 đồng + 1.378.822.400 đồng + 178.948.000 đồng + 5.886.000 đồng = 4.163.655.000 đồng : 9 kỷ phần thừa kế = 462.627.777 đồng.

Ông H, ông H1 và ông P được nhận 03 kỷ phần với tổng số tiền 1.387.883.333 đồng : 2 (chia cho chi ông H3 và chi ông T1) = 693.941.666 đồng. Như vậy, chi ông H3 (do bà N thừa kế thế vị) được chia tổng số tiền là 1.156.569.443 đồng; chi ông T1 được chia 1.156.569.443 đồng cộng với nhà và công trình phụ do ông T1, bà Đ1 xây dựng thì ông T1 được nhận tổng số tiền là 1.595.808.571 đồng.

Chi ông Lê Văn T5 (đã chết, có người thừa kế thế vị là bà Lê Thị Minh H2 và ông Lê Nhật T3); bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị Phụng L, ông Lê Minh S mỗi chi được nhận số tiền là 462.627.777 đồng.

[4] Bị đơn bà Lê Thị Phụng L cho rằng căn nhà đang tranh chấp diện tích 55,1m² là căn nhà 30/8 hiện bà N đang quản lý sử dụng do bà L được cụ T4 tặng cho nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận lời trình bày này của bị đơn.

[5] Ông Lê Văn T1 và bà Trần Thị Trúc Đ1 cho rằng căn nhà 2/8 hiện ông bà đang quản lý, sử dụng do ông bà nhận chuyển nhượng của ông P1 và bà N1 nhưng ông T1 lại ký tên tại Biên bản đồng thuận ngày 05/3/2015 (bút lục 10-11) và tại Giấy đồng ý ngày 16/01/2012 (bút lục 12) xác nhận hai căn nhà đang tranh chấp là do cụ T4 và cụ L1 để lại nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận lời trình bày này của ông T1 và bà Đ1.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu tính trên kỷ phần được phân chia theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26, các Điều 35, 37, 38, 39, 147, 157, 165, 227, 228, 244, 264, 266, 271, 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 610, 612, 613, 649, 650, 651, 652 và Điều 660 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N đối với bị đơn bà Lê Thị Phương L3 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn T4 và cụ Huỳnh Thị L1 là số tiền đến bù 4.163.655.000 đồng thể hiện Tại Công văn số 310/TTPTQĐ-BT&GPMB ngày 26/3/2024 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Dương như sau:

- Ghi nhận sự tự nguyện của các ông Lê Văn P, Lê Văn H1, Lê Văn H tự nguyện tặng cho kỷ phần được chia cho chi ông Lê Văn H3 (do bà N thừa kế thế vị) và ông Lê Văn T1 được hưởng.

- Chi ông Lê Văn H3 (do bà N thừa kế thế vị) được nhận số tiền là 1.156.569.443 đồng (một tỷ một trăm năm mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng);

- Ông Lê Văn T1 và bà Trần Thị Trúc Đ1 được nhận tổng số tiền là 1.595.808.571 đồng (một tỷ năm trăm chín mươi lăm triệu tám trăm lẻ tám nghìn năm trăm bảy mươi một đồng).

- Chi ông Lê Văn T5 (đã chết, có người thừa kế thế vị là bà Lê Thị Minh H2 và ông Lê Nhật T3); bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị Phương L, ông Lê Minh S mỗi chi được nhận số tiền là 462.627.777 đồng (bốn trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng).

Các đương sự có trách nhiệm tự liên hệ Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Dương để nhận số tiền được chia và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật (nếu có) theo nội dung của phần quyết định này.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N về việc yêu cầu chia giá trị căn nhà và công trình xây dựng trên diện tích nhà đất số B do ông Lê Văn T1 và bà Trần Thị Trúc Đ1 xây dựng với tổng số tiền là 439.239.128 đồng (bốn trăm ba mươi chín triệu hai trăm ba mươi chín nghìn một trăm hai mươi tám đồng).

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản: Tổng cộng số tiền là 21.533.966 đồng (hai mươi một triệu năm trăm ba mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi sáu đồng), bà Lê Thị Hồng N và bà Lê Thị Phương L3 mỗi người phải chịu số tiền 10.766.983 đồng (mười triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi ba đồng), bà N được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp, bà Lê Thị Phương L3 phải nộp số tiền 10.766.983 đồng (mười triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi ba đồng) để hoàn trả cho bà Lê Thị Hồng N đã nộp tạm ứng tại Tòa án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Hồng N phải chịu số tiền 46.697.083 đồng (bốn mươi sáu

triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn không trăm tám mươi ba đồng), được trừ vào số tiền 6.875.000 đồng (sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000426 ngày 13/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương. Bà Lê Thị Hồng N còn phải nộp thêm số tiền 39.822.083 đồng (ba mươi chín triệu tám trăm hai mươi hai nghìn không trăm tám mươi ba đồng).

- Bà Lê Thị Phụng L và bà Lê Thị Đ được miễn án phí.

- Ông Lê Văn T1 phải chịu số tiền 46.697.083 đồng (bốn mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn không trăm tám mươi ba đồng).

- Chi ông Lê Văn T5 (đã chết, có người thừa kế thế vị là bà Lê Thị Minh H2 và ông Lê Nhật T3); bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị Phụng L, ông Lê Minh S mỗi chi phải chịu số tiền 22.505.111 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm lẻ năm nghìn một trăm mười một đồng).

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Đối với đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Thanh Tuyền